TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 01/2018/DSST
Ngày 29 - 01 -2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thể

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Văn Lai và bà Đoàn Thị Quyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô lương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày *29* tháng *01* năm *2018* tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số *30/2017* /TLST-*DS* ngày *11* tháng *10* năm *2017* về tranh chấp *hợp đồng vay tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số *40/2017*/QĐXXST-DS ngày *22* tháng *12* năm *2017 và* Quyết định hoãn phiên tòa số *01/2018/*QĐST-DS ngày *08* tháng *01* năm *2018* giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1969

Tên gọi khác: không.

Hộ khẩu thường trú: Xóm 1, xã HS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn H và chị Phạm Thị H

Hộ khẩu thường trú: Xóm 8, xã HS, huyện Đô Lương, Nghệ An.

Đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Vũ Đình S – sinh năm 1967

Tên gọi khác: không

Hộ khẩu thường trú: Xóm 1, xã HS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/9/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Đình S trình bày:

Vào ngày 13/01/2015 (dương lịch), anh Hoàng Văn H và chị Phạm Thị H có vay của chị NTH - anh S số tiền 200.000.000 đồng để làm nhà, lập giấy vay tiền, không ghi thời hạn trả nợ, lãi suất thỏa thuận nhưng không ghi cụ thể là bao nhiêu. Do cần tiền nên từ năm 2016, anh S, chị NTH đã nhiều lần yêu cầu anh H – chị H trả nợ nhưng anh H – chị H chỉ trả một số tiền lãi nhưng không trả tiền gốc (vì phải trả cùng một lúc 200.000.000 đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng, bằng nhiều hình thức như khấu trừ tiền phường, trả nợ bằng hàng hóa và tiền mặt, anh S chị NTH đã thu được số tiền lãi là 88.000.000 đồng bằng các hình thức như nhận trực tiếp tiền, lấy hàng hóa, nhận suất phường của anh H – chị H (còn tiền gốc thì chưa thu được đồng nào). Một năm đầu tiên, anh H – chị H trả tiền lãi 4.000.000 đồng/tháng; năm thứ hai trả lãi 3.000.000 đồng/tháng và từ tháng 1/2017 đến tháng 4/2017 thì chỉ trả thêm 4.000.000 đồng nữa. Tiền trả lãi không ghi cụ thể, không có ký nhận nên không có tài liệu nào khách quan để cung cấp cho Tòa án.

Kể từ sau tháng 4/2017 cho đến nay, anh S chị NTH không nhận thêm được khoản nào nữa nên tháng 9/2017, nguyên đơn gửi đơn lên Công an xã HS yêu cầu giải quyết nhưng không thành. Anh H – chị H không những không trả nợ mà còn bỏ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng về nhà nhưng vì khác xóm nên nguyên đơn không gặp để lấy nợ được.

Do không chứng minh được mức tiền lãi thỏa thuận trước đây là bao nhiêu nên anh S, chị NTH đồng ý áp dụng mức tiền lãi là 9%/năm (tương đương 0,75%/tháng) kể từ thời điểm cho vay. Sau khi cân đối số tiền bị đơn đã thanh toán, chị NTH - anh S đề nghị Hội đồng xét xử xác định đúng số tiền gốc và tiền lãi đã trả để buộc bị đơn thực hiện tiếp nghĩa vụ trả nợ. Phần tiền gốc nào chênh lệch so với yêu cầu khởi kiện ban đầu thì chị Huệ xin rút theo luật định.

Do bị đơn không chấp hành các văn bản tố tụng, không gửi ý kiến phản hồi Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, không tham gia vào các buổi làm việc do Tòa án ấn định nên Tòa án không thu thập được ý kiến của anh H và chị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 122; Điều 290; Điều 471; khoản 2 điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 1 điều 147; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên buộc bị đơn trả số nợ gốc cho nguyên đơn 167.600.000 đồng; đình chỉ đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút là 32.400.000 đồng tiền gốc; bị đơn phải chịu án phí, nguyên đơn được trả lại án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản xác lập năm 2015 đối với bị đơn Hoàng Văn H và Phạm Thị H, cùng cư trú tại xóm 8 xã HS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

Trước khi khởi kiện, nguyên đơn đã thực hiện việc yêu cầu bị đơn trả nợ nên đáp ứng đúng quy định tại điều khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự 2005, Điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự về điều kiện khởi kiện.

Tòa án đã tiến hành Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn nhiều lần hợp lệ đến các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 12/9/2017 của Công an xã HS huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và Giấy vay tiền lập ngày 13/01/2015 dương lịch , Hội đồng xét xử thấy: vào ngày 13/01/2015 dương lịch, anh Hoàng Văn H và chị Phạm Thị H đã vay của anh Vũ Đình S và chị Nguyễn Thị H số tiền 200.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất là bao nhiêu cũng không thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Do vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 thì đây là giao dịch vay tài sản không thời hạn và có lãi, theo đó bên cho vay là anh S – chị NTH và bên vay là anh H – chị H; bên vay đã được nhận đủ tiền gốc từ bên cho vay.

Theo nguyên đơn, quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thu hồi số tiền lãi là 88.000.000 đồng. Bị đơn không có ý kiến phản hồi tại Tòa án nhưng trong Biên bản làm việc ngày 12/9/2017 tại Công an xã HS thì bị đơn chị H cũng thừa nhận khoản tiền vay gốc 200.000.000 đồng và đề nghị nguyên đơn tính tiền lãi theo *tiền gửi* Ngân hàng, cân đối lại số tiền đã trả trước đây để xác

định nghĩa vụ; chị NTH yêu cầu tính theo lãi *tiền vay* Ngân hàng. Ngoài ra, trong giao dịch vay tài sản không xác định rõ lãi suất nên Hội đồng xét xử xem đây là trường hợp có tranh chấp về lãi suất. Tại phiên tòa, nguyên đơn chấp nhận tính lãi theo mức 9%/năm là phù hợp với quy định về mức lãi suất cơ bản của Nhà nước tại thời điểm phát sinh giao dịch và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng mức lãi suất 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng để xem xét tiền lãi.

Vì không có căn cứ để xác định khoản tiền đã trả nào tương ứng thời điểm nào, là gốc hay là lãi nên cần ưu tiên xem xét tính tiền lãi trước cho nguyên đơn.

Cụ thể, từ ngày 13/01/2015 đến ngày mở phiên tòa (29/01/2018) số tiền lãi phát sinh được tính toán như sau: 1112 ngày * 200.000.000 đồng * 0,75%/30 ngày = 55.600.000 đồng.

Số tiền nguyên đơn đã thu được từ bị đơn là 88.000.000 đồng nên sau khi trừ số tiền lãi thì số tiền gốc mà bị đơn đã trả được là 32.400.000 đồng. Do vậy, cần buộc bị đơn là anh H và chị H phải trả lại cho chị NTH và anh S số tiền gốc là 200.000.000 - 32.400.000 = 167.600.000 đồng.

Chị NTH đề nghị được rút phần tiền gốc chênh lệch so với yêu cầu khởi kiện ban đầu (sau khi đã xác định cụ thể là 32.400.000 đồng) là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này.

[2]. Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh H và chị H phải chịu 8.380.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị NTH số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các 122; Điều 290; Điều 471; khoản 2 điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005;

Khoản 1 điều 147; Điều 244; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện đối với 32.400.000 đồng tiền nợ gốc.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc anh Hoàng Văn H và chị Phạm Thị H phải trả cho anh Vũ Đình S và chị Nguyễn Thị H số tiền gốc 167.600.000 đồng theo giao dịch vay tài sản thiết lập ngày 13/01/2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chưa thi hành với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí: Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002904 ngày 11/10/2017 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành.

Chị Phạm Thị H và anh Hoàng Văn H phải chịu 8.380.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hồng Thể